TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2023/DS-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị CL

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Q
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc V

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Thành CThư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị K – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLST–DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 752/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc T, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: 28/8A Khu phố 1A, phường Đông Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: 628/4 Phạm Văn Hai, phường 03, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 14C4 đường DN2, tổ 8, khu phố 4, phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Ông Trương Lâm T, sinh năm: 1974 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: 114/2 Khu phố 2, phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Mỹ L là chỗ quen biết nhau; vào ngày 10/02/2020, bà T có cho bà L vay mượn số tiền là 76.000.000 (Bảy mươi sáiu triệu) đồng, việc cho vay mượn này không có tính lãi suất và thời hạn trả nợ là ngày 10/8/2020. Tuy nhiên đến ngày hẹn trả nợ, bà L xin bà T đến ngày 10/10/2020 sẽ trả nợ dứt điểm. Đến ngày 10/10/2020, bà L vẫn không trả nợ số tiền trên dù bà T đã yêu cầu nhiều lần. Bà T đã làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để trình bày sự việc. Vào ngày 18/12/2021, tại Văn phòng Khu phố 4 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, bà L đã đồng ý sẽ trả nợ cho bà T theo phương án trả dần trong vòng 02 (hai) năm. Tuy nhiên sau đó bà L chỉ thực hiện đúng cam kết, trả nợ cho bà T được 05 (năm) tháng, tổng cộng số tiền tôi đã nhận được là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng thì bà L cố tình không trả nợ như đã hứa. Bà T đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ vào ngày 24/3/2023 nhưng cho đến nay, bà Nguyễn Thị Mỹ L vẫn không thực hiện đúng như cam kết.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Ngọc T xác nhận số tiền bà T cho bà L vay mượn vào ngày 10/02/2020 là tài sản riêng của bà T, bà T đề nghị cá nhân bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả ngay cho một lần cho bà T số tiền gốc còn thiếu là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng.

* Tại các bản tự khai ngày 25,26/7/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận bà biết bà T thông qua mối quan hệ bạn bè với em ruột của bà T. Bà L có vay nợ tiền của bà Trương Thị Ngọc T vào khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017 để xử lý công việc gia đình. Bà L có vay mượn của bà T là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) đồng với lãi suất là 0,7%/tháng. Tổng số tiền lãi bà T đã nhận đến tháng 10/2018 là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Đến tháng 11/2018, bà L có vay thêm của bà T là 10.000.000 (Mười triệu) đồng với lãi suất 0,7%/tháng để chăm lo cho con trai bị tai nạn, bà L đã đóng tiền lãi mỗi tháng là 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng. Bà L đóng lãi đến tháng 9/2019 tổng cộng là 37.800.000 (Ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn) đồng.

Từ tháng 10/2019 thì bà L ngưng trả lãi cho bà T; vào ngày 10/02/2020, bà T bắt tôi ghi giấy mượn tiền và xác nhận tổng số tiền tôi mượn của bàT là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng), bao gồm: tiền gốc là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, số tiền lãi của 04 (bốn) tháng từ tháng 10/20219 đến tháng 02/2020 là 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng. Bà T bắt tôi phải cam kết đến ngày 10/8/2020 phải trả dứt điểm số tiền, nhưng vì dịch Covid-19 bùng phát nên gia đình bà L gặp khó khăn về kinh tế, không thể trả tiền theo đúng như thỏa T. Đến ngày 10/8/2020, bà L xin gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 10/10/2020, nhưng tình hình dịch bệnh bùng phát khắp nơi, công việc làm ăn của bà L gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ.

Sau buổi hòa giải vào ngày 18/12/2021, tại Văn phòng khu phố 4 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, bà L đã thực hiện theo như cam kết và trả nợ được cho chị T được 05 (năm) tháng là 18.800.000 (Mười tám triệu tám trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên, sau đó vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên bà L không thể trả tiền cho bà T theo như cam kết.

Tại phiên tòa hôm nay, đối với yêu cầu của bà Trương Thị Ngọc T, bà L xác nhận đồng ý trả nợ tiền cho bà T là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng. Tuy nhiên, bà L không có khả năng trả ngay một lần cho bà T số tiền còn thiếu, bà L mong bà T thông cảm, xem xét tạo điều kiện cho bà L trả dần trong thời gian 02 (hai) năm vì hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau :

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về việc khắc phục vi phạm trong tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc T. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Ngọc T số tiền nợ gốc là 61.000.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/5/2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng nên đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại địa chỉ 14C4 đường DN2, tổ 8, khu phố 4, phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Trương Thị Ngọc T xác nhận số tiền bà cho bà Trương Thị Mỹ L vay mượn là 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng theo giấy mượn tiền không lãi suất vào ngày 10/02/2020 là tài sản riêng của bà T, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả ngay cho một lần cho bà số tiền gốc còn thiếu là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng; Hội đồng xét xử xét thấy nội dung trong giấy mượn tiền không lãi suất vào ngày 10/02/2020 do bà Trương Thị Ngọc T cung cấp, hai bên đều thống nhất số tiền gốc mà bị đơn vay mượn của nguyên đơn là 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng, việc vay mượn hoàn toàn không có lãi suất và có sự làm chứng của ông Trương Lâm T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Trương Lâm T xác nhận có chứng kiến việc bà T có cho bà L vay mượn số tiền là 76.000.000 (Bảy mươi sáu triệu) đồng và vào ngày 10/02/2020, ông T có ghi xác nhận chứng kiến việc bà L ghi giấy mượn và cam kết trả nợ cho bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận nội dung trong giấy mượn tiền không lãi suất vào ngày 10/02/2020 và nội dung xin gia hạn trả nợ vào ngày 10/8/2020 mà bên nguyên đơn cung cấp đúng là chữ viết của bà L.

Bà L thừa nhận có vay tiền của bà T là hai lần, lần vay mượn tiền thứ nhất là vào khoản thời gian từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, lần vay mượn tiền thứ hai vào tháng 11/2018, tổng số tiền gốc bà vay mượn của bà T là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, bà đã trả lãi cho bà T với lãi suất là 0,7%/tháng, thời gian trả lãi bắt đầu từ cuối năm 2016, đầu năm 2017 và kết thúc vào tháng 10/2019, tổng số tiền lãi bà L đã đóng cho bà T là 107.800.000 (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm ngàn) đồng; sau buổi hòa giải ở văn phòng Khu phố 4 phường Tân Hưng T, Quận 12, Thành phố Hồ ChíMinh, bà L có trả cho bà T số tiền 18.800.000 (Mười tám triệu tám trăm ngàn) đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình về số tiền gốc đã vay mượn của bà T và số tiền lãi đã trả cho bà T; đồng thời, bà Nguyễn Thị Mỹ L xác nhận còn nợ bà Trương Thị Ngọc T số tiền là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ L đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng theo phương án trả dần, trong thời gian 02 (hai) năm.

Như vậy Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận việc bà Nguyễn Thị Mỹ L có vay mượn tiền của bà Trương Thị Ngọc T và còn nợ bà Trương Thị Ngọc T số tiền gốc là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thất việc bà Nguyễn Thị Mỹ L không trả nợ cho bà Trương Thị Ngọc T theo đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả trả tiền quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc T về việc buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ nợ số tiền gốc là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng.

[3] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:*

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và hoàn lại cho bà Trương Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 91, Điều 147 ; Điều 227 ; Điều 229 ; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280 ; Điều 357; Điều 463; Điều 466 ; Điều 468 ; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án **;**

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho bà Trương Thị Ngọc T số tiền nợ gốc là 61.000.000 (Sáu mươi mốt triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị Ngọc T cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Nguyễn Thị Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.050.000 (Ba triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

2.2. Bà Trương Thị Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.525.000 (Một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0005962 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị CL